

DANH MỤC VẬT THỂ THUỘC DIỆN KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU TỪ TRUNG QUỐC

(Danh mục này sẽ thường xuyên được sửa đổi, bổ sung theo quy định)

1. Cây và các bộ phận còn sống của cây

1.1. Hạt giống cây trồng

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Bầu	<i>Lagenaria launtha</i> var. <i>gourdo</i>	x	
2.	Bầu	<i>Lagenaria siceraria</i>	x	
3.	Bí đỏ	<i>Cucurbita maxima</i>	x	
4.	Bí đỏ	<i>Cucurbita moschata</i>	x	
5.	Bí ngô	<i>Cucurbita moschata</i>	x	
6.	Bí ngô	<i>Cucurbita pepo</i>	x	
7.	Bí ngô	<i>Cucurbita pepo</i> var. <i>styriaca</i>	x	
8.	Bí ngò	<i>Delicata squash</i>	x	
9.	Bí xanh	<i>Benincasa hispida</i>	x	
10.	Cà chua	<i>Solanum lycopersicum</i>	x	
11.	Cà rốt	<i>Daucus carota</i>	x	
12.	Cà rốt	<i>Daucus carota sativus</i>	x	
13.	Cà tím	<i>Solanum melongena</i>	x	
14.	Cà tím	<i>Solanum melongena</i> var. <i>esculentum</i>	x	
15.	Cải bao	<i>Brassica campestris pekinensis</i>	x	
16.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>capitata</i>	x	
17.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea</i>	x	
18.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea capitata</i>	x	
19.	Cải bắp	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>capitata</i>	x	
20.	Cải bắp brussels	<i>Brassica oleraces</i> var. <i>gemmifera</i>	x	
21.	Cải bẹ	<i>Brassica pekinensis</i>	x	
22.	Cải bẹ Đại Bình phố	<i>Brassica alboglabra</i>	x	
23.	Cải bẹ dưa	<i>Brassica sinensis</i>	x	
24.	Cải bẹ dún	<i>Brassica pekinensis</i>	x	
25.	Cải bẹ Thượng hải	<i>Brassica rapa</i>	x	
26.	Cải bẹ xanh	<i>Brassica juncea</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
27.	Cải bó xôi	<i>Spinacia oleracea</i>	x	
28.	Cải củ	<i>Brassica juncea</i> var. <i>involutus</i>	x	
29.	Cải củ	<i>Raphanus sativus</i>	x	
30.	Cải củ lá ngắn	<i>Raphanus junceus</i>	x	
31.	Cải cúc	<i>Chrysanthemum coronarium</i>	x	
32.	Cải dầu	<i>Brassica napus</i> var. <i>oleifera</i>	x	
33.	Cải làn	<i>Barssica oleracea</i>	x	
34.	Cải ngồng	<i>Brassica chinensis</i> var. <i>oleifera</i>	x	
35.	Cải ngồng	<i>Brassica chinensis alboglalra</i>	x	
36.	Cải ngồng	<i>Capsella bursa</i>	x	
37.	Cải ngồng ngọt	<i>Brassica juncea</i> var. <i>albo</i>	x	
38.	Cải ngọt	<i>Brassica chinensis</i> var. <i>oleifera</i>	x	
39.	Cải ngọt	<i>Brassica chinensis</i> var. <i>oleifera</i>	x	
40.	Cải ngọt	<i>Brassica integrifolia</i>	x	
41.	Cải ngọt	<i>Brassica integrifolia chinensis</i>	x	
42.	Cải ngọt Quảng phủ	<i>Brassica campestris</i>	x	
43.	Cải rổ	<i>Brassica chinensis</i>	x	
44.	Cải rổ	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>alboglabra</i>	x	
45.	Cải thảo	<i>Brassica petsai</i>	x	
46.	Cải thảo	<i>Brassica rapa</i> ssp. <i>chinensis</i>	x	
47.	Cải thảo	<i>Brassica rapa</i> subsp. <i>chinensis</i>	x	
48.	Cải thìa	<i>Brassica campestris</i> spp. <i>chinensis</i>	x	
49.	Cải tòa xại	<i>Brassica campestris pekienensis</i>	x	
50.	Cải xanh	<i>Barssica juncea</i> var. <i>involutus</i>	x	
51.	Cải xanh	<i>Brassica campestris</i> subsp. <i>chinensis</i>	x	
52.	Cải xanh	<i>Brassica chinensis oleracea</i>	x	
53.	Cải xanh	<i>Brassica juncea</i> subs. <i>chinensis</i>	x	
54.	Cải xanh lá to	<i>Brassica juncea cosson</i>	x	
55.	Cải xanh lùn Thanh Giang	<i>Brassica chinensis</i>	x	
56.	Cải xanh mở	<i>Brassica juncea</i> subs. <i>chinensis</i>	x	
57.	Cần	<i>Apium graveolens</i>	x	
58.	Cần tàu	<i>Cryptotaenia japonica</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
59.	Củ cải Chard	<i>Beta vulgaris</i> subs. <i>cicla</i>	x	
60.	Củ cải Nabo Navet turnip	<i>Brassica rapa</i> var. <i>rapa</i>	x	
61.	Củ đậu	<i>Pachyrhizus erosus urban</i>	x	
62.	Củ dền	<i>Beta vulgaris</i>	x	
63.	Cúc đồng tiền	<i>Dorotheanthus criniflorum</i>	x	
64.	Đậu bắp	<i>Abelmoschus esculentus</i>	x	
65.	Đậu bắp	<i>Hybiscus esculentus</i>	x	
66.	Đậu cô ve trắng	<i>Phaseolus vulgaris</i>	x	
67.	Đậu đũa	<i>Vigana sinensis</i>	x	
68.	Đậu đũa	<i>Vigna sesquipedalis</i>	x	
69.	Đậu đũa	<i>Vigna sinensis</i> var. <i>sesquipedalis</i>	x	
70.	Đậu đũa	<i>Vigna unguiculata</i>	x	
71.	Đậu Hà Lan	<i>Pisum sativum</i>	x	
72.	Đậu tương	<i>Glycine max</i>	x	
73.	Đậu xanh	<i>Phaseolas ayreus</i>	x	
74.	Đu đủ	<i>Carica papaya</i>	x	
75.	Dưa chuột	<i>Cucumis sativus</i>	x	
76.	Dưa hấu	<i>Citrullus lanatus</i>	x	
77.	Dưa hấu	<i>Citrullus vulgaris</i>	x	
78.	Dưa lê	<i>Citrullus melo</i>	x	
79.	Dưa lưới	<i>Cuccumis melo</i>	x	
80.	Hành lá	<i>Allium fistulosum</i>	x	
81.	Hành tây	<i>Allium cepa</i>	x	
82.	Hẹ	<i>Allium tuberosum</i>	x	
83.	Hoa Anh thảo	<i>Cyclamen persicum</i>	x	
84.	Hoa Baby	<i>Gypsophila hybrids</i>	x	
85.	Hoa Báo xuân	<i>Primula hybrids</i>	x	
86.	Hoa Bất tử	<i>Helichrysum bracteatum</i>	x	
87.	Hoa Cúc Gazania	<i>Gazania hybrids</i>	x	
88.	Hoa Bướm	<i>Pansy cornuta</i>	x	
89.	Hoa bướm	<i>Viola tricolor</i>	x	
90.	Hoa Cẩm chướng	<i>Dianthus caryophyllus</i>	x	
91.	Hoa Cẩm quỳ	<i>Lavatera hybrids</i>	x	
92.	Hoa Cát cánh	<i>Platycodon hybrids</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
93.	Hoa Cát đằng	<i>Thunbergia hybrids</i>	x	
94.	Hoa Cát tường	<i>Eustoma hybrids</i>	x	
95.	Hoa Chuông	<i>Gloxinia hybrids</i>	x	
96.	Hoa Cúc	<i>Chrysanthemum indicum</i>	x	
97.	Hoa Cúc	<i>Gomphrena globosa</i>	x	
98.	Hoa Cúc bạch nhật	<i>Gomphrena hybrids</i>	x	
99.	Hoa Cúc đại đoá	<i>Callistephus chinensis</i>	x	
100.	Hoa Cúc đài loan	<i>Aster alpinus</i>	x	
101.	Hoa Huỳnh anh	<i>Allamanda cathartica</i>	x	
102.	Hoa Cúc indo	<i>Verbena hybrids</i>	x	
103.	Hoa Cúc lá nhám	<i>Zinnia hybrids</i>	x	
104.	Hoa Cúc lạc	<i>Gaillardia hybrids</i>	x	
105.	Hoa Cúc lupin	<i>Lupinus hybrids</i>	x	
106.	Hoa Cúc mặt trời	<i>Melampodium hybrids</i>	x	
107.	Hoa Cúc mốc	<i>Senecio hybrids</i>	x	
108.	Hoa Cúc móng tay	<i>Impatiens balsamina</i>	x	
109.	Hoa Cúc sao băng	<i>Thymophyllia acerosa</i>	x	
110.	Hoa Cúc tây	<i>Callistephus hybrids</i>	x	
111.	Hoa Cúc thực dược	<i>Zinnia elegans</i>	x	
112.	Hoa Cúc tiểu quỳ	<i>Coreopsis hybrids</i>	x	
113.	Hoa Cúc vạn thọ tây	<i>Cosmos hybrids</i>	x	
114.	Hoa Cúc xòe	<i>Rudbeckia hybrids</i>	x	
115.	Hoa Cúc Xu xi	<i>Calendula hybrids</i>	x	
116.	Hoa Dạ thảo	<i>Angelonia hybrids</i>	x	
117.	Hoa Dạ yên thảo	<i>Petunia multiflora</i>	x	
118.	Hoa Dâm bụt	<i>Hibiscus hybrids</i>	x	
119.	Hoa Đồng tiền	<i>Gerbera hybrids</i>	x	
120.	Hoa Dừa cạn	<i>Catharanthus hybrids</i>	x	
121.	Hoa Đuôi công	<i>Plumbago hybrids</i>	x	
122.	Hoa Hoắc hương	<i>Trachelium caeruleum</i>	x	
123.	Hoa Hồng ri	<i>Cleome hybrids</i>	x	
124.	Hoa Hồng y	<i>Linaria hybrids</i>	x	
125.	Hoa Hướng dương	<i>Helianthus annuus</i>	x	
126.	Hoa Huyền sâm	<i>Penstemon hybrids</i>	x	
127.	Hoa Lạc tân phụ	<i>Astilbe arendsii</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
128.	Hoa Lưu ly	<i>Myosotis sorpiopoides</i>	x	
129.	Hoa Mai địa hoàng	<i>Digitalis hybrids</i>	x	
130.	Hoa Mai địa thảo	<i>Impatiens walleriana</i>	x	
131.	Hoa Mãn đình hồng	<i>Althaea hybrids</i>	x	
132.	Hoa Mãn đình hồng	<i>Althaea rosea</i>	x	
133.	Hoa Mào gà	<i>Celosa cristata</i>	x	
134.	Hoa Mao lương	<i>Ranunculus hybrids</i>	x	
135.	Hoa Mây	<i>Nemesia fruticans</i>	x	
136.	Hoa Mi mu lus	<i>Mimulus hybridus</i>	x	
137.	Hoa Mồm sói	<i>Antirrhinum majus</i>	x	
138.	Hoa Mười giờ	<i>Portulaca grandiflora</i>	x	
139.	Hoa Năm cánh	<i>Campanula hybrids</i>	x	
140.	Hoa Ngũ sắc	<i>Ageratum hybrids</i>	x	
141.	Hoa nhỏ	<i>Cineraria cruentus</i>	x	
142.	Hoa Oải hương	<i>Lavandula hybrids</i>	x	
143.	Hoa Păng xê	<i>Viola swiss</i>	x	
144.	Hoa Phong lữ	<i>Pelargonium hybrids</i>	x	
145.	Hoa Phong lữ thảo	<i>Alyssum hybrids</i>	x	
146.	Hoa Phong quỳ thảo	<i>Anemone hybrids</i>	x	
147.	Hoa Phù dung	<i>Delphinium caryophyllus</i>	x	
148.	Hoa Sam	<i>Nierembergia hippomanica</i>	x	
149.	Hoa Sao nhái	<i>Cosmos bipinnatus</i>	x	
150.	Hoa Satin	<i>Clarkia pursh</i>	x	
151.	Hoa Sen cạn	<i>Nasturtium hybrids</i>	x	
152.	Hoa Thanh trúc	<i>Phlox drummondii</i>	x	
153.	Hoa Thiên điều	<i>Strelitzia reginae</i>	x	
154.	Hoa Thu hải đường	<i>Begonia hybrids</i>	x	
155.	Hoa Thược dược	<i>Dahlia hybrids</i>	x	
156.	Hoa Tiểu ngư	<i>Diacia scrophularia</i>	x	
157.	Hoa Tô liên	<i>Torenia hybrids</i>	x	
158.	Hoa Trang	<i>Pentas hybrids</i>	x	
159.	Hoa Vân anh	<i>Verbena hybrida</i>	x	
160.	Hoa Vạn thọ	<i>Tagetes erecta</i>	x	
161.	Hoa Vạn thọ	<i>Tagetes patula</i>	x	
162.	Hoa Xa lem	<i>Limonium sinuatum</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
163.	Hoa Xa lem	<i>Statice perezii</i>	x	
164.	Hoa Xác pháo	<i>Salvia splendens</i>	x	
165.	Hoa Xuân vũ	<i>Matthiola incana</i>	x	
166.	Húng chanh	<i>Plectranthus hybrids</i>	x	
167.	Huyết tâm lan	<i>Alternanthera dentata</i>	x	
168.	Kim tiền thảo	<i>Dichondra hybrids</i>	x	
169.	Kinh giới	<i>Elsholtzia ciliata</i>	x	
170.	Lá kiểng	<i>Asparagus densiflorus</i>	x	
171.	Lá kiểng	<i>Senecio cineraria</i>	x	
172.	Lá màu	<i>Hypoestes hybrids</i>	x	
173.	Lúa	<i>Oryza sativa</i>	x	
174.	Măng tây	<i>Asparagus officinalis</i>	x	
175.	Mướp	<i>Luffa aegyptiaca</i>	x	
176.	Mướp đắng	<i>Momordica charantia</i>	x	
177.	Mướp đắng	<i>Monordica balsamica</i>	x	
178.	Mướp hương	<i>Luffa cylindrica</i>	x	
179.	Mướp khía	<i>Luffa acutangula</i>	x	
180.	Mướp khía	<i>Luffa acutangula</i> var. <i>gourdo</i>	x	
181.	Ngô	<i>Zea mays</i>	x	
182.	Ớt	<i>Capsicum annuum</i>	x	
183.	Ớt	<i>Capsicum frutescens</i>	x	
184.	Ớt ngọt	<i>Capsicum longum</i>	x	
185.	Ớt ngọt	<i>Capsicum annum</i>	x	
186.	Rau dền	<i>Amaranthus mangosta</i>	x	
187.	Rau húng	<i>Mentha aquatica</i>	x	
188.	Rau húng lủi	<i>Mentha aquatica</i> var. <i>crispa</i>	x	
189.	Rau húng quế	<i>Ocimum basilicum</i>	x	
190.	Rau mùi	<i>Coriandrum sativum</i>	x	
191.	Rau muống	<i>Ipomoea aquatica</i>	x	
192.	Sắn dây	<i>Pachyrhizus erosus</i>	x	
193.	Su hào	<i>Barassica oleracea</i> var. <i>caulorapa</i>	x	
194.	Su hào	<i>Brassica cauliflora</i>	x	
195.	Su hào	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>gongyloides</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
196.	Đậu rồng	<i>Psophocarpus tetragonolobus</i>	x	
197.	Súp lơ	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>botrytis</i>	x	
198.	Súp lơ trắng	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>botrytis</i>	x	
199.	Súp lơ trắng	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>botrytis</i>	x	
200.	Súp lơ xanh	<i>Brassica oleracea</i> var. <i>botrytis</i>	x	
201.	Thầu dầu	<i>Ricinus communis</i>	x	
202.	Thì là	<i>Anethum graveolens</i>	x	
203.	Tía tô	<i>Perilla frutescens</i>	x	
204.	Tía tô kiểng	<i>Coleus hybrids</i>	x	
205.	Tỏi tây	<i>Allium porrum</i>	x	
206.	Xà lách	<i>Lactuca sativa</i>	x	
207.	Xà lách	<i>Lactuca sativa</i> var. <i>capitata</i>	x	

1.2. Cây hoa

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Báo xuân	<i>Polyanthus hybrids</i>	x	
2.	Cẩm tú cầu	<i>Hydrangea macrophylla</i>	x	
3.	Chuông vàng	<i>Spathodea campanulata</i>	x	
4.	Cúc	<i>Chrysanthemum indicum</i>	x	
5.	Cúc lá nhỏ	<i>Verbena hybrids</i>	x	
6.	Dạ yên thảo	<i>Petunia hybrida</i>	x	
7.	Dạ yên thảo	<i>Petunia multiflora</i>	x	
8.	Đại tứ lan	<i>Hyllostachys</i> spp.	x	
9.	Đào	<i>Prunus campanulata</i>	x	
10.	Địa lan	<i>Cymbidium faberi</i> hybrids	x	
11.	Địa lan	<i>Cymbidium hybrid</i>	x	
12.	Đỗ quỳ	<i>Rhododendron simsii</i>	x	
13.	Hải đường	<i>Celosia argentea</i>	x	

14.	Hoa chuông	<i>Gloxinia hybrids</i>	x	
15.	Hoa đào	<i>Prunus persica</i>	x	
16.	Hoa Đuối	<i>Liatris sp.</i>	x	
17.	Hoa Gạo	<i>Gossapinus malabarica</i>	x	
18.	Hoa hồng	<i>Rosa sp.</i>	x	
19.	Hoa Ngọc lan	<i>Megnolia denudata</i>		
20.	Hoa Oải hương	<i>Lavandula officinalis</i>	x	
21.	Hoa súng	<i>Nymphaea nouchali</i>	x	
22.	Hoa trúc đào	<i>Nerium oleander</i>	x	
23.	Hoàng yến	<i>Cassia fistula</i>	x	
24.	Hồng môn	<i>Anthurium hybrids</i>	x	
25.	Hồng ri	<i>Cleome hybrids</i>	x	
26.	Kim ngân lương	<i>Ardisia crenata</i>	x	
27.	La lan Châu Phi	<i>Saintpaulia jonantha</i>	x	
28.	Lan hài	<i>Paphiopedilum hybrids</i>	x	
29.	Lan hồ điệp	<i>Phalaenopsis spp.</i>	x	
30.	Lan vũ nữ	<i>Oncidiujm hybrids</i>	x	
31.	Lan vũ nữ	<i>Zygopetalum hybrid</i>	x	
32.	Lily	<i>Lilium formasanum</i>	x	
33.	Mai	<i>Apricot blossom</i>	x	
34.	Màn tang	<i>Litsea cubeba</i>	x	
35.	Ngọc Lan	<i>Michelia champaca</i>	x	
36.	Ngọc thảo	<i>Emerald seminar</i>	x	
37.	Phật thủ	<i>Citrus medica</i>	x	
38.	Quất	<i>Citrus japonica</i>	x	
39.	Son môi	<i>Aeschynanthus micranthus</i>	x	
40.	Son môi	<i>Aeschynanthus radicans</i>	x	
41.	Thu hải đường	<i>Malus spectabilis</i>	x	
42.	Thủy tiên	<i>Narcissus pseudonarcissus</i>	x	
43.	Tiên ông	<i>Hyacinthus sp.</i>	x	
44.	Tiên ông	<i>Hyacinthus orientalis</i>	x	
45.	Trạng nguyên	<i>Euphorbia pulcherrima</i>	x	
46.	Trầu bà	<i>Scidopsus arueus</i>	x	
47.	Trúc lộc	<i>Phlox drummondi</i>	x	
48.	Trường xuân	<i>Begonis semperflora</i>	x	
49.	Tuy líp	<i>Tulipa hybrid</i>	x	
50.	Vạn niên thanh	<i>Aratabotrys odoratissimus</i>	x	
51.	Xương rồng	<i>Opuntla stricta</i>	x	

1.3. Hom giống

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Mía	<i>Saccharum sp.</i>	x	

1.4. Củ giống

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Hoa lily	<i>Lilium formasanum</i>	x	
2.	Thủy tiên	<i>Narcissus pseudonarcissus</i>	x	
3.	Khoai tây	<i>Solanum tuberosum</i>	x	

2. Củ

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Khoai tây	<i>Solanum tuberosum</i>	x	

3. Quả tươi

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Anh đào	<i>Prunus avium</i>	x	

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
2.	Bí đỏ	<i>Cucurbita pepo</i>	x	
3.	Bưởi	<i>Citrus maxima</i>	x	
	Bưởi	<i>Citrus paradisi</i>	x	
4.	Cà chua	<i>Solanum lycopersicum</i>	x	
5.	Cam	<i>Citrus sinensis</i>	x	
6.	Chanh	<i>Citrus aurantifolia</i>	x	
7.	Chanh	<i>Citrus limonum</i>	x	
8.	Đào	<i>Prunus persica</i>	x	
9.	Dâu tây	<i>Fragaria ananassa</i>	x	
10.	Dâu tây	<i>Fragaria vesca</i>	x	
11.	Dưa hấu	<i>Citrullus lanatus</i> (Synonym: <i>Citrullus vulgaris</i>)	x	
12.	Dưa lê (Dưa vàng)	<i>Cucumis melo</i>	x	
13.	Hồng	<i>Diospyros kaki</i>	x	
14.	Kiwi	<i>Actinidia planch</i>	x	
15.	Lê	<i>Pyrus communis</i>	x	
	Lê	<i>Pyrus pyrifolia</i>	x	
16.	Lựu	<i>Punica granatum</i>	x	
17.	Mận	<i>Prunus salicina</i>	x	
	Mận	<i>Prunus salicina domestica</i>	x	
18.	Nhãn	<i>Dimocarpus longan</i>	x	
19.	Nho	<i>Vitis spp.</i>	x	
20.	Quất	<i>Citrus japonica</i>	x	
21.	Quýt	<i>Citrus reticulata</i>	x	
22.	Táo	<i>Malus domestica</i>	x	
23.	Táo ta	<i>Ziziphus jujuba</i>	x	
24.	Vải	<i>Lichi chinensis</i>	x	
25.	Xoài	<i>Mangifera indica</i>	x	

4. Cỏ và hạt cỏ

4.1. Hạt giống cỏ

Stt	Tên vật thể	Tên khoa học	Căn cứ để cấp giấy phép KDTV nhập khẩu	
			Vật thể truyền thống đã nhập khẩu vào Việt Nam trước năm 2007	Kết quả thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA)
1.	Hạt giống cỏ	<i>Sorghum bicolor</i>	x	